

Số: 2303 / QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Hiệp Hoà giai đoạn 2007 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Theo đề nghị của UBND huyện Hiệp Hoà tại tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 15/12/2008 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hiệp Hoà thời kỳ 2007 – 2020;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt: “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hiệp Hoà giai đoạn 2007 – 2020” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

Phát huy nội lực và bằng mọi giải pháp thu hút mạnh mẽ ngoại lực, nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện về vị trí địa lý, tài nguyên và nguồn nhân lực, để đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) cao và bền vững, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH). Phấn đấu đến năm 2020 trở thành huyện có cơ cấu kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ.

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cao phát triển công nghiệp - TTCN và ngành nghề nông thôn, lựa chọn tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực mang tính đột phá. Đẩy mạnh phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ vận tải, kho bãi, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tài chính tín dụng, bảo hiểm, bất động sản...

Tập trung đầu tư cho nông nghiệp để ổn định nông thôn, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản xuất/đơn vị canh tác. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ.

Phát triển kinh tế phải đi đôi giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường và giảm nghèo. Gắn phát triển kinh tế với ổn định và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực; xây dựng và phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu phát triển

a. Về kinh tế

Số TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các giai đoạn phát triển		
			2008-2010	2011-2015	2016-2020
1	Tốc độ tăng trưởng GTSX	%/năm	10,00	12,00	13,50
	+ Nông lâm nghiệp, thủy sản	%/năm	2,52	3,96	3,62
	+ Công nghiệp - xây dựng	%/năm	19,26	23,21	20,43
	+ Thương mại - dịch vụ	%/năm	16,14	18,63	16,38
2	GTSX BQ/người/năm	Triệu đ	10,48	28,76	58,38
3	Cơ cấu GTSX (giá HH)				
	+ Nông lâm nghiệp, thủy sản	%	57,00	42,00	30,00
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	19,00	28,00	36,00
	+ Thương mại - dịch vụ	%	24,00	30,00	34,00

b. Về văn hoá, xã hội

Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí; phấn đấu vượt mức bình quân của tỉnh trên một số lĩnh vực chủ yếu về văn hoá - xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo.

- Đến năm 2015: 75% trường học đạt chuẩn quốc gia và đạt tỷ lệ trường chuẩn quốc gia 100% vào năm 2020.

- Đến 2010 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; phấn đấu đạt mức giảm tỷ lệ sinh bình quân 0,2‰ mỗi năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2008-2010 bình quân 3%/năm trở lên; giai đoạn 2011-2015 giảm bình quân 1,8-2,0%; giai đoạn 2016 -2020 giảm bình quân mỗi năm 0,8-1,0%.

- Phấn đấu đến năm 2020 có 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; 80% làng, khu phố đạt tiêu chuẩn làng, khu phố văn hoá được cấp huyện công nhận; trên 90% cơ quan, đơn vị đạt cơ quan văn hoá.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 30% vào năm 2010 và trên 47% vào năm 2020.

c. Về môi trường

- Tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch đẹp. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố về môi trường.

- Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

- Các đô thị và điểm công nghiệp tập trung được xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường Việt Nam.

- Đến năm 2010, tỷ lệ dân số ở thành thị dùng nước hợp vệ sinh đạt 95% và ở nông thôn đạt 85%, đến năm 2020 là 100%.

d. Về quốc phòng - an ninh

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân, giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân đạt 2,5%/năm cho giai đoạn 2008 - 2010, 3,9%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 3,6% cho giai đoạn 2016 - 2020. Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng GTSX đạt khoảng 57% vào năm 2010, giảm xuống còn 42% vào năm 2015 và còn 30% vào năm 2020.

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất bằng cách tăng tỷ trọng chăn nuôi lên khoảng 50%, tỷ trọng ngành trồng trọt còn chiếm khoảng 40% và tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp tăng lên 10% trong cả thời kỳ quy hoạch.

2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng

a. Phương hướng chung

- Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân 22,8%/năm trong thời kỳ 2008 - 2020; trong đó đạt 19,3%/năm giai đoạn 2008 - 2010, khoảng 23,2% giai đoạn 2011 - 2015 và 20,4% cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Tỷ trọng GTSX ngành công nghiệp - xây dựng trong tổng GTSX toàn nền kinh tế chiếm khoảng 19% vào năm 2010 và 36% vào năm 2020.

- Đưa tỷ lệ lao động làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng từ 7,9% hiện nay lên khoảng 27% vào năm 2020.

- Môi trường đô thị và môi trường công nghiệp - xây dựng được bảo đảm, góp phần quan trọng vào phát triển bền vững trong khu vực.

- Phát triển một số sản phẩm chủ lực như: Chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí, dịch vụ sửa chữa; sản xuất đồ mộc dân dụng; công nghiệp dệt, may, da giày; công nghiệp điện tử...

b. Xây dựng các khu, cụm, điểm công nghiệp

- Quy hoạch 2 khu công nghiệp gắn với các khu đô thị, dịch vụ và đường vành đai 4 của thành phố Hà Nội đã được quy hoạch, gồm khu công nghiệp Hợp Thịnh và khu công nghiệp Minh Châu – Mai Đình.

- Quy hoạch 2 khu công nghiệp: Lương Phong – Đoan Bái và Thanh An (tại 2 xã Thanh An và Hoàng An).

- Quy hoạch các cụm công nghiệp:

+ Cụm công nghiệp Đức Thắng diện tích là 10 ha, tại xã Đức Thắng.

+ Cụm công nghiệp thị trấn Thắng, diện tích 4 ha.

+ Cụm công nghiệp Hùng Sơn với diện tích 20 ha tại xã Hùng Sơn.

+ Cụm công nghiệp vùng thượng huyện: Triển khai các cụm công nghiệp trên địa bàn xã Thanh Vân, Hoàng An, diện tích 100 ha.

- Các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các xã:

Tới năm 2020, phấn đấu 70% số xã có điểm công nghiệp xã với quy mô từ 3-5 ha/1 điểm công nghiệp.

3. Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng các ngành dịch vụ giai đoạn 2008 - 2010 khoảng 16,14%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 18,63%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 16,38%. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ như: Thương mại, vận tải, kho bãi, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tài chính tín dụng, bảo hiểm, bất động sản và du lịch. Trong đó cần hướng mạnh nền kinh tế ở các thị trấn, thị tứ, hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại, siêu thị...

4. Phương hướng phát triển cơ sở hạ tầng

a. Về giao thông

- Đường bộ:

+ Quốc lộ: Đến năm 2010 mở rộng tuyến quốc lộ 37, chiều dài chạy qua huyện Hiệp Hoà là 14 km; Quy hoạch tuyến đường vành đai 4 Hà Nội, chiều dài tuyến chạy qua Hiệp Hoà là 15 km.

+ Đường tỉnh: Nâng cấp các tuyến đường tỉnh 295, 296, 288 (đường 276 cũ), ; Dự kiến nâng cấp tuyến phố Thắng đi bến Gầm trở thành đường tỉnh.

+ Đường huyện: Quy hoạch hệ thống đường vành đai của thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị sau năm 2015. Định hình quy hoạch các đường gom theo đường vành đai của thị trấn, đường vành đai 4 Hà Nội; quy hoạch tuyến đường từ ngã tư An Hoà - Đoan Bái (Quốc lộ 37) đi qua Lương Phong tới Ngọc Thành - Ngọc Sơn; quy hoạch tuyến Thái Sơn – Hùng Sơn; quy hoạch mở rộng tuyến liên xã đường cụm công nghiệp Đức Thắng; quy hoạch mở rộng tuyến liên xã Phố Tràng – Phố Hoa; quy hoạch mở rộng tuyến liên xã Đường 296 - đê Quang Minh.

+ Đường xã: Dự kiến đến năm 2010 hệ thống đường nội thị, đường trong các khu dân cư nông thôn cơ bản được nâng cấp theo hướng nông thôn hiện đại, đạt tiêu chuẩn quy định.

+ Xây dựng và nâng cấp cầu đường bộ, bến xe, điểm đỗ xe:

Nâng cấp đường bề mặt các tuyến đường còn lại, xây dựng hệ thống cầu công theo các tuyến đường như cầu Đông Xuyên, 2 cầu của đường vành đai 4, xây dựng cầu ở Thái Sơn, bắc qua sông Cầu nối Hiệp Hoà với huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Nâng cấp 7 cầu đảm bảo tải trọng 30 tấn có thể vào huyện, gồm các cầu trên các tuyến đường tỉnh lộ như đường 296, đường 288, đường 295.

Quy hoạch mạng lưới bến xe, điểm đỗ xe tại thị trấn Thắng, Hợp Thịnh, Phố Hoa (Bắc Lý), Ngõ Xá (Châu Minh) và tại các xã; Quy hoạch trung tâm thí nghiệm ô tô ở xã Hùng Sơn (diện tích khoảng 100 ha). Bố trí sắp xếp hệ thống bến xe tại các chợ đầu mối và điểm dừng xe buýt dọc theo các trục đường chính.

- Đường thủy: Tăng cường khai thác tiềm năng đường thủy theo hệ thống sông Cầu để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Củng cố và nâng cấp hệ thống bến đò, bến phà dọc theo sông để chuyên chở hàng hoá; phát triển bến Vát (xã Hợp Thịnh) thành cảng sông đảm bảo cho các phương tiện vận tải hạng trung có thể neo đậu, vận chuyển hàng hoá cho cả vùng.

b. Hệ thống đê điều

Củng cố mở rộng hệ thống đê sông Cầu; phát triển và xây dựng mới hệ thống thoát nước thải, nước mưa, chống hạn ở vùng thượng huyện và chống úng ở vùng hạ huyện khi mùa mưa lũ. Tăng cường năng lực của các hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, phấn đấu đảm bảo chủ động tưới tiêu cho 100% diện tích canh tác.

c. Hệ thống điện

Tiếp tục khai thác lưới điện 35 KV đang vận hành ổn định, cải tạo một phần lưới điện 10 KV lên cấp điện áp 22 KV để khai thác cuộn 22KV của trạm 110 KV Đức Thắng và giảm tải cho hai trạm trung gian Hiệp Hoà 1 và Hiệp Hoà 2, trên cơ sở có tính đến dự phòng hợp lý.

d. Hệ thống cấp, thoát nước

- Về cấp nước: Quy hoạch đến năm 2020 sẽ bố trí xây dựng một nhà máy nước sạch tại xã Thái Sơn, lấy nước từ sông Cầu. Phấn đấu đến năm 2020 có 100% dân số đô thị được dùng nước máy và toàn bộ 100% dân số trên địa bàn huyện được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh trong sinh hoạt.

- Về thoát nước: Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước mưa trong các khu dân cư. Thiết kế hệ thống thoát nước kín dọc theo trục đường giao thông trong các thôn để thoát nước thải sinh hoạt, tránh gây ô nhiễm môi trường. Bố trí các điểm gom nước để đổ vào hệ thống công nước thải ngầm.

e. Về thông tin, truyền thông

Tăng cường xây dựng, củng cố các thiết chế văn hoá thông tin ở cơ sở, đảm bảo cho thông tin và truyền thông đến tận các thôn, xã. Xây dựng và nâng cấp đài phát thanh cấp huyện có công suất phủ sóng tốt các xã trong huyện; quy hoạch các trạm truyền thanh xã, thị trấn thành truyền thanh không dây.

Đẩy mạnh tốc độ phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông, đảm bảo liên lạc thông suốt; phấn đấu đến 2010 có 80 - 100% các điểm bưu điện văn hoá xã có dịch vụ Internet. Đến năm 2010 bình quân 32 máy điện thoại/100 dân và năm 2020 đạt bình quân 75 máy/100 dân (kể cả điện thoại cố định và điện thoại di động). Hoàn thành hệ thống cáp quang đến tất cả các xã, thị trấn trong huyện đáp ứng nhu cầu về thông tin cho nhân dân. Quy hoạch mỗi xã tối thiểu phải có từ 2 - 3 đại lý bưu điện trở lên.

5. Phương hướng phát triển đô thị

Từng bước xây dựng thị trấn Thăng đạt tiêu chí đô thị loại IV và phấn đấu trở thành thị xã sau năm 2015.

Quy hoạch thị trấn Bách Nhân tách ra từ xã Mai Trung và xã Hùng Sơn, quy hoạch thị trấn Phố Hoa tách ra từ xã Bắc Lý.

Xây dựng phát triển thêm các thị tứ ở các xã như: Gia Tư (Hoàng An), chợ Gió (Lương Phong), phố Thường (Thường Thắng), Thái Sơn, Đại Thành, Đông Lỗ, Châu Minh...

6. Định hướng sử dụng đất

Đất sản xuất nông nghiệp giảm dần từ 61,7% năm 2007 xuống còn 59% năm 2010 và 45% năm 2020.

Đất phi nông nghiệp tăng dần từ 36,9% năm 2007 lên 40,56% năm 2010 và 55,2% năm 2020.

Đất chưa sử dụng giảm từ 1,43% năm 2007 xuống còn 0,42% năm 2010 và sử dụng hết vào năm 2020.

7. Các dự án đầu tư ưu tiên

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư ở các cụm công nghiệp thị trấn Thăng, Đức Thắng, vùng hạ huyện, Cầu Vát, thượng huyện, Lương Sơn, Doan Bái, Hùng Sơn...

- Xây dựng 2 khu đô thị mới phía Tây và phía Nam thị trấn Thăng.

- Xây dựng trung tâm dịch vụ thương mại ở Bách Nhân, phố Hoa, phố Lữ.

- Xây mới, mở rộng các điểm sản xuất kinh doanh tại địa bàn các xã, thị trấn trong toàn huyện; thu hút đầu tư xây dựng siêu thị tại thị trấn Thăng.

- Nâng cấp và mở rộng hệ thống các chợ (16 chợ).

- Quy hoạch mở rộng và nâng cấp các tuyến Quốc lộ 37, tỉnh lộ 295, 296, 288. Mở mới và nâng cấp các tuyến đường ở các khu, cụm, điểm công nghiệp.

- Nâng cấp, mở rộng, làm mới các tuyến giao thông liên thôn, liên xã và các tuyến đường trong khu dân cư dân cư nông thôn, đường đô thị ở tất cả các xã, thị trấn.

- Xây mới cầu Đông Xuyên, cầu Thái Sơn.

- Xây mới, mở rộng, nâng cấp nhà văn hoá trung tâm xã, nhà văn hoá thôn cho các xã.

- Quy hoạch xây mới công viên tại thị trấn Thăng.

- Xây dựng mới trung tâm y tế dự phòng và trung tâm dân số kế hoạch hoá gia đình.

- Xây dựng mới trường 8 mầm non (xã Hương Lâm, Mai Đình, Bắc Lý, Doan Bái, Đức Thắng, Hợp Thịnh, Châu Minh, Xuân Cẩm).

- Nâng cấp, cải tạo bệnh viện đa khoa huyện.

III. VỐN ĐẦU TƯ

Tổng nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2008-2020 là 8.712 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2008-2010 là 1.121 tỷ đồng, bình quân 373 tỷ đồng/năm;

- Giai đoạn 2011-2015 là 2.290 tỷ đồng, bình quân 458 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2016-2020 là 5.300 tỷ đồng, bình quân 1.060 đồng/năm.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp huy động vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư.

2. Nhóm giải pháp ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng.

3. Nhóm giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường.

6. Nhóm giải pháp phát triển lĩnh vực văn hoá, xã hội.

7. Giải pháp thị trường.

8. Gắn việc phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

9. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch;

- Gắn quy hoạch với xây dựng hệ thống chính trị;

- Tăng cường sự phối hợp giữa huyện với các Sở, Ngành của tỉnh trong quá trình thực thi quy hoạch;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hiệp Hoà giai đoạn 2007 – 2020" là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Hiệp Hoà.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hoà căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định.

Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm quan tâm, tạo điều kiện giúp huyện Hiệp Hoà đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội qua các chương trình, dự án đầu tư và thu hút đầu tư địa bàn huyện Hiệp Hoà.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND huyện Hiệp Hoà và các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *AB*

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy (2b), TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TKCT, TN&MT, NN, XD, KT;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chanh

Nguyễn Văn Linh